

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 132/2022/DS-ST

Ngày 03/8/2022

V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Văng Thị Ngọc Yến.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Công Ny;**

Bà **Hồ Thị Kim Luyện.**

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa:** Ông **Tô Văn Tông** – Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ An Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh
Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh
Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2022/TLST-
DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
472/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1966, (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường N, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Trần Minh S**, sinh năm: 1963, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông
Nguyễn Văn T trình bày và yêu cầu: Vào ngày 20/01/2020, ông Trần Minh S có
vay của ông số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay 02 năm
kể từ ngày 20/01/2020 đến ngày 20/01/2022. Việc vay tiền giữa hai bên có lập hợp
đồng vay tiền và được công chứng theo quy định pháp luật. Ông S đã nhận đủ số
tiền vay từ ông và có ký biên nhận nhận tiền, cụ thể: Ngày 20/01/2020 nhận
77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng), ngày 21/01/2020 nhận 23.000.000
đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Nay đã đến hạn trả nợ nhưng ông S vẫn không thực
hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả lại cho ông

số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng.

Ngoài ra, khi vay tiền ông S có giao cho ông một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ498924 (số vào sổ CS16992) ngày 03/6/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho ông Trần Minh S để làm tin. Sau khi ông S trả hết nợ, ông sẽ giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S.

Bị đơn ông Trần Minh S đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T vẫn giữ ý kiến như đã trình bày. Ông yêu ông Trần Minh S trả số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 21/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (tính tròn là 02 năm 06 tháng) với lãi suất 10%/năm.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nêu ý kiến:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật.

Về nội dung, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về số tiền vay, lãi suất và thời gian tính lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn là không đúng quy định pháp luật nên cần buộc nguyên đơn giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh S trả lại cho ông số tiền vay 100.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2020. Đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Trần Minh S cư trú tại số B, đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Trần Minh S đã được đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, nhận thấy, việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được lập thành văn bản (Hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2020) và được công chứng theo quy định pháp luật (được công chứng tại Văn phòng công chứng Trương Văn Trung vào ngày 20/01/2020). Bị đơn đã nhận đủ số tiền vay của nguyên đơn được thể hiện thông qua biên nhận tiền nhận tiền, cụ thể: Ngày 20/01/2020 nhận 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng), ngày 21/01/2020 nhận 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Do vậy có đủ căn cứ để xác định ông Trần Minh S có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000 đồng. Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Trần Minh S trả số tiền vay là có cơ sở.

[2] Về lãi suất và thời gian tính lãi, căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2020 thể hiện hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn (thời hạn 02 năm kể từ ngày 20/01/2020 đến ngày 20/01/2021) và có lãi, tuy nhiên, hợp đồng không xác định lãi suất cụ thể. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được áp dụng theo quy định là 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng). Do đó, bị đơn có trách nhiệm trả lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 20/01/2022.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trong trường hợp vay có lãi, khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo mức lãi quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn bằng mức lãi suất 150% mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối chiếu với quy định nêu trên, nhận thấy, nguyên đơn được quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng) đối với số tiền vay trong thời hạn vay (từ ngày 20/01/2020 đến ngày 20/01/2022). Kể từ thời điểm hết thời hạn vay (ngày 21/01/2022) nguyên đơn được yêu cầu bị đơn trả lãi với lãi suất 15%/năm (1,25%/tháng) đối với số nợ gốc quá hạn và tiền lãi đối với số tiền lãi trong hạn chưa trả với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng).

Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số nợ gốc 100.000.000 đồng tính từ ngày 21/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (tính tròn là

02 năm 06 tháng) với lãi suất là 10%/tháng (tương đương 0,833/tháng) với số tiền là: 100.000.000 đồng x 10%/tháng x 02 năm 06 tháng = 25.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 125.00.000 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật và lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[6] Đối với việc nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn là không đúng quy định pháp luật nên cần buộc nguyên đơn giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Trần Minh S phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền **125.000.000 đồng** (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), trong đó tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả lại ông Trần Minh S bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ498924 (số vào sổ CS16992) ngày 03/6/2019 do UBND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp cho ông Trần Minh S sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Minh S phải chịu 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T được nhận lại 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0001792 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.CT;
- VKSND TP.CT;
- VKSND.Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văng Thị Ngọc Yến